

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **448/2020/HS-ST**

Ngày: 28/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhung

2. Ông Nguyễn Ngọc Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 363/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 420/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Phương N - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1997 tại TH; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ Z, phường T, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Phạm Thanh B, sinh năm 1973 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2020 cho đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa)*

2. Đinh Mỹ D - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1997 tại T; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn H, xã M, huyện H, tỉnh T; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Đinh Văn T, sinh năm 1974 và con bà Đinh Thị D, sinh năm 1976; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2020 cho đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa)*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1993 - trú tại tổ N, phường T, thành phố TH, tỉnh TH (*Vắng mặt*).

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Hoàng Công C, sinh năm 1967 - trú tại tổ X, phường T, thành phố TH (*Vắng mặt*)

2. Bà Hoa Thị L, sinh năm 1969 - trú tại tổ X, phường T, thành phố TH (*Vắng mặt*)

3. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1959 - trú tại tổ 03, phường T, thành phố TH (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18 giờ 00 phút ngày 30/4/2020, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố TH đang làm nhiệm vụ tại khu vực đường Quang Trung thuộc tổ X, phường T, thành phố TH thì phát hiện 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA Morning màu đỏ, biển kiểm soát 20A -178.28 có biểu hiện liên quan đến ma túy. Tổ công tác tiếp cận, phát hiện trên xe có 03 người, tổ công tác yêu cầu kiểm tra những người có mặt trên xe. Người lái xe khai tên Đoàn Văn T, sinh năm 1993 - trú tại tổ 01, phường T, thành phố TH, 01 người nam giới ngồi ở hàng ghế bên dưới khai tên là Phạm Phương N và 01 người nữ giới ngồi ở hàng ghế bên dưới khai tên là Đinh Mỹ D. D khai nhận bản thân có cất giấu ma túy và tự giác lấy từ phía sau chiếc ốp điện thoại của D để bên trong túi xách D đang đeo trên người ra 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 07 viên nén màu nâu và 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng giao nộp. D khai là ma túy “ke” và “keo” D vừa mua của N. Tiến hành kiểm tra đối với T và N không phát hiện thu giữ gì. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với D và N, thu giữ và niêm phong vật chứng theo quy định.

Ngoài ra tổ công tác còn thu giữ của D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng; thu giữ của N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu hồng.

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của D là phòng trọ thuộc khu vực xóm H, xã Q, thành phố TH kết quả không phát hiện thu giữ gì. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của N thuộc tổ Z, phường T, thành phố TH phát hiện tại kệ đầu giường trong phòng ngủ của N có 01 gói nilon màu trắng, bên trong chứa mảnh viên nén màu nâu. Tổ công tác thu giữ, niêm phong vật chứng theo quy định.

Cùng ngày, tại phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH tiến hành mở niêm phong và cân xác định: Khối lượng số chất tinh thể màu trắng thu giữ của D là 0,891gam và lấy toàn bộ niêm phong vào bì ký hiệu D1 gửi giám định; Khối lượng 07 viên nén màu nâu thu giữ của D là 3,122gam và lấy toàn bộ niêm phong vào bì

ký hiệu D2 gửi giám định; Khối lượng mảnh viên nén màu nâu thu giữ tại phòng ngủ của N là 0,27gam và lấy toàn bộ niêm phong vào bì ký hiệu N gửi giám định.

Kết luận giám định số 2502/C09 – TT2 ngày 09/5/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu D1 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamin; Mẫu viên nén màu nâu và mảnh viên nén màu nâu trong phong bì ký hiệu D2 và N gửi giám định là ma túy loại MDMA.

Kết luận giám định số 730/KL – KTHS ngày X/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH kết luận: Khối lượng chất tinh thể màu trắng thu giữ ban đầu của Đinh Mỹ D là 0,891 gam; Khối lượng các viên nén màu nâu thu giữ ban đầu của D là 3,122gam; Khối lượng mảnh viên nén màu nâu thu giữ ban đầu của Phạm Phương N là 0,27gam.

Tiến hành kiểm tra dữ liệu và các tin nhắn trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng thu giữ của Đinh Mỹ D không phát hiện nội dung gì. Đối với điện thoại di động thu giữ của Phạm Phương N không tiến hành kiểm tra được do điện thoại không hoạt động.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Phương N, Đinh Mỹ D khai nhận: N và D có mối quan hệ xã hội. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 27/4/2020 tại khu vực Bến xe khách TH, N đã mua của 01 nam thanh niên tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) 01 túi ma túy “ke” với giá 1.500.000đ và 08 viên ma túy “kẹo” màu nâu với giá 300.000đ/viên. N mang số ma túy trên về nhà, N đã bẻ 01 viên ma túy “kẹo” ra và sử dụng cho bản thân. Đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 30/4/2020 khi N đang ở nhà thì D gọi điện thoại cho N hỏi mua của N ma túy. N đồng ý và hẹn D đến khu vực khách sạn H thuộc phường T, thành phố TH để bán ma túy cho D. N để lại một phần viên ma túy “kẹo” còn lại vào túi nilon ở kệ đầu giường trong phòng ngủ của N, mục đích ai mua thì bán kiếm lời. Số ma túy còn lại N mang đi để bán cho D. N gọi điện cho anh T là người lái xe TAXI đến chở N đến khu vực hẹn với D. Khi đến nơi, D lên xe và ngồi ở hàng ghế sau với N. N đã bán cho D 01 túi nilon chứa ma túy “ke” với giá 1.500.000đ và 01túi nilon chứa 07 viên ma túy “kẹo” với giá 300.000đ/viên nhưng D nợ tiền và hẹn khi D bán lại ma túy cho người khác thì sẽ trả tiền N, N đồng ý. Sau đó, D đi nhờ TAXI với N đến khu vực khách sạn HABANA thuộc phường T, thành phố TH mục đích để D bán lại số ma túy trên cho khách nhưng chưa kịp bán thì bị tổ công tác Công an thành phố TH phát hiện bắt quả tang. Các dữ liệu trong máy điện thoại của mình sau khi nghe, gọi, nhắn tin D đã xóa toàn bộ. Còn khi N thuê anh T chở đi thì N không nói cho anh T biết việc N bán ma túy cho D, anh T cũng không được biết việc N và D đi đến khu vực khách sạn HABANA để làm gì.

Vật chứng của vụ án:

+ 01(một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA Morning màu đỏ, BKS 20A – 178.28 đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là anh Đoàn Văn T quản lý và sử dụng.

+ 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng có số IMEI 1: 866468037191436, số IMEI 2: 866468037191428 đã qua sử dụng được niêm

phong trong bì ký hiệu A1; 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu hồng có số IMEI: 35329907299979 đã qua sử dụng được niêm phong trong bì ký hiệu B1.

+ 01(một) bì niêm phong ký hiệu 2502/C09 –TT2

Bản Cáo trạng số 372/CT -VKSTPTN ngày 07 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố các bị cáo Phạm Phương N, Đinh Mỹ D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay, Phạm Phương N và Đinh Mỹ D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như Biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Phạm Phương N, Đinh Mỹ D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Phạm Phương N từ 05 đến 06 năm tù. Phạt bổ sung từ 05 đến 10 triệu đồng.

Xử phạt Đinh Mỹ D từ 42 đến 48 tháng tù. Phạt bổ sung từ 05 đến 10 triệu đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong số 2502/C09 (TT2) bên trong chứa mẫu ma túy hoàn trả sau giám định;

+ Nộp Ngân sách Nhà nước 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng có số IMEI 1: 866468037191436, số IMEI 2: 866468037191428 đã qua sử dụng của Đinh Mỹ D được niêm phong trong bì ký hiệu A1; 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu hồng có số IMEI: 35329907299979 đã qua sử dụng của Phạm Phương N được niêm phong trong bì ký hiệu B1.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong, biên bản mở niêm phong cân khối lượng, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, kết luận giám định. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30/4/2020 tại khu vực khách sạn Hoàng Gia thuộc tổ 6, phường T, thành phố TH, Phạm Phương N đã bán 0,891 gam Ketamin và 3,122 gam MDMA cho Đinh Mỹ D với giá 3.740.000đ. Nhưng D nợ N chưa trả tiền ngay mà bảo đi nhờ TAXI cùng N đến khu vực khách sạn HABANA thuộc tổ X, phường T, thành phố TH để bán cho khách, lấy được tiền sẽ thanh toán cho N, N đồng ý. Khi đến nơi, D chưa kịp bán cho khách thì bị tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố TH phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của N N thuộc tổ Z, phường T, thành phố TH phát hiện, thu giữ tại kệ đầu giường trong phòng ngủ của N có 0,27gam MDMA. Số ma túy trên N tàng trữ nhằm mục đích bán kiếm lời.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi ma túy không chỉ làm suy kiệt kinh tế và sức lao động mà nó còn có thể làm hạn chế hoặc mất đi khả năng điều khiển hành vi của con người, là nguyên nhân phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật. Nhưng vì lòng tham, lười lao động muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo. Việc D chưa kịp giao ma túy cho khách thì bị phát hiện bắt quả tang là kết quả ngoài ý muốn của bị cáo. Do đó, cần phải xét xử các bị cáo với mức án nghiêm khắc phù hợp với hành vi các bị cáo gây ra, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo

trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải đã khai nhận hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51BLHS. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS. Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo khai mục đích mua ma túy để bán kiếm lời. Do vậy, cần phạt bổ sung các bị cáo một khoản tiền nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[6] Vật chứng của vụ án:

+ Cần tịch thu tiêu hủy 01(một) bì niêm phong ký hiệu số 2502/C09 (TT2) bì niêm phong chứa chất ma túy.

+ Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng có số IMEI 1: 866468037191436, số IMEI 2: 866468037191428 đã qua sử dụng thu giữ của Đinh Mỹ D và 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu hồng có số IMEI: 353299072999791 đã qua sử dụng của Phạm Phương N được niêm phong trong bì ký hiệu B1 xác định là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ trong vụ án, Phạm Phương N khai mua của một nam thanh niên tên H ở khu vực Bến xe khách TH vào ngày 27/4/2020. Quá trình điều tra không xác định H, nên cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra làm rõ.

Đối với nam thanh niên tên T là người D khai nhận đã hỏi mua ma túy của D. Do không xác định được T nên cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

Đối với Đoàn Văn T là người lái xe TAXI BKS 20A -178.28 chở Phạm Phương N, Đinh Mỹ D đi bán ma túy vào ngày 30/4/2020. Khi thuê xe N, D không nói cho anh T biết việc N, D đi bán ma túy nên anh T không biết. Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Phương N, Đinh Mỹ D phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

1.1. Xử phạt: Bị cáo Phạm Phương N 54 (Năm mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2020. Phạt bổ sung bị cáo 05.000.000đ (*Năm triệu đồng*) nộp Ngân sách Nhà nước.

1.2. Xử phạt: Bị cáo Đinh Mỹ D 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2020. Phạt bổ sung bị cáo 05.000.000đ (*Năm triệu đồng*) nộp Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam các bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 01(một) bì niêm phong ký hiệu số 2502/C09 (TT2) bì niêm phong chứa chất ma túy.

2.2. Nộp Ngân sách Nhà nước 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng có số IMEI 1: 866468037191436, số IMEI 2: 866468037191428 đã qua sử dụng được niêm phong trong bì ký hiệu A1 và 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu hồng có số IMEI: 353299072999791 đã qua sử dụng được niêm phong trong bì ký hiệu B1.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận số 425 ngày 10/8/2020 giữa Công an thành phố TH với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Phương N, Đinh Mỹ D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS TP. TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc

